

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành tại Quyết định số 1864 /QĐ-ĐHM, ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : Ngân hàng

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Tài chính – Ngân hàng Mã số: 52340201

Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân ngành Tài chính- Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng. Học xong chương trình này, sinh viên có kiến thức chuyên môn vững vàng về ngành Tài chính- Ngân hàng, có phẩm chất chính trị tốt, có khả năng ngoại ngữ thành thạo và có kỹ năng phù hợp để làm việc ở các vị trí nhân viên trong các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính và các doanh nghiệp phi tài chính.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

CTĐT được thiết kế hướng đến việc đào tạo, trang bị cho sinh viên các nhóm kiến thức, kỹ năng, thái độ, trình độ ngoại ngữ và tin học như sau:

1.2.1. Kiến thức: Sinh viên sau khi hoàn tất CTĐT có kiến thức và am hiểu vĩ mô về hoạt động của nền kinh tế, đồng thời có kiến thức và am hiểu vi mô về hoạt động của một ngân hàng thương mại. Trên nền tảng kiến thức đó, sinh viên có thể vận dụng vào việc xử lý và hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao và học tập lên các bậc học cao hơn. Cụ thể sinh viên có những kiến thức nền tảng sau đây:

- Kiến thức chung về hoạt động của các thị trường tài chính, bao gồm thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường tài chính phái sinh và kiến thức chung về hoạt động của các tổ chức tài chính, bao gồm ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Quyết định số 789/QĐ-ĐHM ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

7. Thang điểm

Chương trình áp dụng thang điểm 10.

8. Nội dung chương trình

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 58 tín chỉ

8.1.8 Lý luận chính trị: 10 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin – Phần 1	POLI1201	2	2	0
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin – Phần 2	POLI2302	3	3	0
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI2301	3	3	0
Tổng cộng			10	10	0

8.1.9 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1
	<i>Chọn 1 trong 2 môn học (2 tín chỉ)</i>				
2.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2	0
3.	Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	2	0
Tổng cộng			3	2	1

8.1.10 Nhân văn - Nghệ thuật: 4 tín chỉ

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	2	0
2.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0
Tổng cộng			4	4	0

8.1.11 Ngoại ngữ: 32 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4	0
2.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4	0
3.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4	4	0
4.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4	4	0
5.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0
6.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4	4	0
7.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4	4	0
8.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4	4	0
Tổng cộng			32	32	0

8.1.12 Toán - Tin học: 9 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Toán cao cấp	MATH1301	3	3	0
2.	Lý thuyết xác suất và thống kê	MATH1304	3	3	0
3.	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0
Tổng cộng			9	9	0

8.1.13 Giáo dục Thể chất: 5 tín chỉ

8.1.14 Giáo dục Quốc phòng- An ninh: 8 tín chỉ

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 82 tín chỉ

8.2.5 Kiến thức cơ sở ngành: 15 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Kinh tế vi mô I (*)	ECON1301	3	3	0
2.	Kinh tế vĩ mô I TA	ECON1302	3	3	0
3.	Marketing căn bản (*) TA	BADM2301	3	3	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
4.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	3	0
5.	Quản trị học TA	BADM1301	3	3	0
Tổng cộng			15	15	0

8.2.6 Kiến thức ngành: 24 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting) TA	ACCO2301	3	3	0
2.	Tiền tệ và Ngân hàng (Money and Banking)	FINA1301	3	3	0
3.	Thị trường tài chính (Financial markets) TA	FINA3320	3	3	0
4.	Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1) TA	FINA3319	3	3	0
5.	Tài chính quốc tế (International Finance) (*) TA	FINA3301	3	3	0
6.	Thị trường tài chính phái sinh (Derivatives Markets) TA	FINA3317	3	3	0
7.	Kế toán tài chính (Financial accounting)	ACCO2302	3	3	0
8.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial Banking)	FINA3321	3	3	0
Tổng cộng			24	24	0

8.2.6.1 Kiến thức chuyên ngành: 33 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	<i>Bắt buộc</i>				
1.	Tài chính doanh nghiệp 2 (Corporate Finance 2) (*) TA	FINA3322	3	3	0
2.	Phân tích báo cáo tài chính (Financial statement analysis)	FINA3312	3	3	0
3.	Thẩm định tín dụng (Credit Appraisal)	FINA3304	3	3	0
4.	Kế toán ngân hàng (Bank accounting)	ACCO3306	3	3	0
5.	Phân tích và đầu tư tài chính (Financial investment and Analysis) TA	FINA3315	3	3	0
6.	Thanh toán quốc tế (International Payment) (*) TA	FINA3302	3	3	0
7.	Kinh doanh ngoại hối (Foreign exchange trading) (*) TA	FINA3308	3	3	0
Tổng cộng			21	21	0
	<i>Tự chọn: Chọn 4 trong các môn liệt kê dưới đây</i>				
1.	Marketing ngân hàng	FINA3305	3	3	0
2.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3	3	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	(Business research methods)				
3. <i>Thầy</i>	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk Management)	FINA3314	3	3	0
4.	Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial Bank Management) <i>TA</i>	FINA3307	3	3	0
5.	Thương mại điện tử (E-commerce) (*)	BADM3306	3	3	0
6. <i>Thầy</i>	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (Project Appraisal) <i>TA</i>	BADM3321	3	3	0
7.	Kiểm toán I (Auditing) (*)	ACCO3302	3	3	0
8.	Kế toán quản trị (Management accounting) (*) <i>TA</i>	ACCO4302	3	3	0
9. <i>Thầy</i>	Thuế và hoạt động kinh doanh (Tax and business operations)	FINA3318	3	3	0
10. <i>Thầy</i>	Mua bán và sáp nhập công ty (Merger and acquisition) <i>TA</i>	ECON3309	3	3	0
11. <i>Thầy</i>	Quản lý danh mục đầu tư (Portfolio management) <i>TA</i>	FINA3316	3	3	0
12.	Mô phỏng hoạt động ngân hàng (Commercial Banking Simulation)	FINA3325	3	3	0
Tổng cộng			12	12	0

Ghi chú: (*) Các môn học dự kiến tổ chức học bằng tiếng Anh. Tổng số tín chỉ theo quy định của đào tạo chất lượng cao.

8.2.7 Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận: 10 tín chỉ

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	<i>Bắt buộc</i>				
1.	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	FINA4499	4	0	4
	<i>Tự chọn: Chọn khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn thay thế</i>				
2.	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	FINA4699	6	0	6
	<i>Hai môn thay thế</i>				
2.	Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial Bank Management)	FINA3307	3	3	0
	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk Management) <i>TA</i>	FINA3314	3	3	0
Tổng cộng			10	6	4